

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021**

---

Hà Nội, tháng 9 năm 2021

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13 - 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 là: 1.419.915.000.000 VND (Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/6/2021)
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/6/2021)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/6/2021)
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/4/2021)

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. *P*

**Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,**



**Lê Quốc Hưng**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021*

Số: 115/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV4

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 24/9/2021, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

- (1) Như trình bày tại Mục 5.2, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của hai Công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật đang bao gồm các khoản công nợ phải thu tồn đọng, đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo Công văn 2230/BCT- CNNg ngày 20 tháng 3 năm 2017 về việc đề nghị xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, Bộ Công thương yêu cầu Tổng Công ty tiến hành rà soát, chuẩn bị tài liệu và hồ sơ có liên quan trong đó có hồ sơ các khoản công nợ phải thu khó đòi, kèm theo hồ sơ công tác quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức

chuyên sang công ty cổ phần để trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, các đơn vị này vẫn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá tổn thất khoản đầu tư vào hai Công ty con này.

- (2) Cũng được trình bày tại Mục 5.2, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, do chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong vụ án đang được điều tra xảy ra tại Xí nghiệp kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp - Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) nên Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để ước tính giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào công ty con này;

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Tổng hợp giữa niên độ, tại ngày phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Mục b, 5.18, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; Vốn Điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2021, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ đăng ký. Chênh lệch này là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn Điều lệ đăng ký theo quy định.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



**Nguyễn Tài Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>538.581.416.930</b>	<b>685.903.722.797</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>7.968.987.176</b>	<b>34.690.796.551</b>
1. Tiền	111		6.468.987.176	34.690.796.551
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.000.000.000	18.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>246.888.649.573</b>	<b>477.836.599.269</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	211.004.329.961	429.848.324.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	23.302.715.943	34.980.605.543
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.315.192.370	16.841.257.445
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.539.088.701)	(4.639.088.701)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>244.738.923.498</b>	<b>139.177.613.011</b>
1. Hàng tồn kho	141		244.738.923.498	139.177.613.011
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.984.856.683</b>	<b>16.198.713.966</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	39.758.620	95.730.107
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.648.232.408	15.960.867.854
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	296.865.655	142.116.005
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.235.017.500.294</b>	<b>1.236.893.231.924</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.500.000</b>	<b>37.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	37.500.000	37.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.781.661.367</b>	<b>33.986.582.098</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	32.775.209.773	33.970.130.502
- Nguyên giá	222		49.098.787.791	49.098.787.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.323.578.018)	(15.128.657.289)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	6.451.594	16.451.596
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.548.406)	(83.548.404)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>21.568.048.682</b>	<b>21.859.148.622</b>
- Nguyên giá	231		23.403.742.571	23.403.742.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.835.693.889)	(1.544.593.949)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.180.460.941.347</b>	<b>1.180.460.941.347</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.718.555.006	17.718.555.006
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>169.348.898</b>	<b>549.059.857</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	126.393.992	549.059.857
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42.954.906	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.773.598.917.224</b>	<b>1.922.796.954.721</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>354.141.556.702</b>	<b>503.599.448.357</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>354.141.556.702</b>	<b>503.599.448.357</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	130.094.282.334	163.652.294.247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.257.349.140	60.093.275.783
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.309.781.240	1.503.596.370
4. Phải trả người lao động	314		517.022.107	2.238.896.649
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.370.911.175	5.394.614.881
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	262.136.364	778.681.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.172.041.995	22.438.230.153
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	139.484.228.107	240.459.724.630
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.207.352.488
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.673.804.240	4.832.781.338
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1.419.457.360.522</b>	<b>1.419.197.506.364</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>1.419.457.360.522</b>	<b>1.419.197.506.364</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		822.872.521	563.018.363
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		563.018.363	213.591.182
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		259.854.158	349.427.181
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.773.598.917.224</b>	<b>1.922.796.954.721</b>

Người lập



Phạm Minh Đức

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	133.633.927.239	288.197.548.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10		<b>133.633.927.239</b>	<b>288.197.548.010</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	121.845.217.722	275.396.269.614
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		<b>11.788.709.517</b>	<b>12.801.278.396</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	169.554.048	1.508.430.786
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.847.274.934	1.013.386.426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.783.158.261	837.221.203
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.743.969.475	12.105.374.145
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		<b>367.019.156</b>	<b>1.190.948.611</b>
11. Thu nhập khác	31		1.077	50.000.224
12. Chi phí khác	32		51.462.587	79.451.857
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40		<b>(51.461.510)</b>	<b>(29.451.633)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	50		<b>315.557.646</b>	<b>1.161.496.978</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	98.658.394	192.050.030
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	(42.954.906)	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		<b>259.854.158</b>	<b>969.446.948</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức



Trần Thị Thu Trang



Lê Quốc Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	315.557.646	1.161.496.978
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.496.020.671	1.506.273.132
Các khoản dự phòng	03	(100.000.000)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	14.997.751	(280.792.586)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(131.644.832)	(964.933.713)
Chi phí lãi vay	06	3.783.158.261	837.221.203
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	5.378.089.497	2.259.265.014
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	246.055.575.890	(148.020.759.366)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(105.561.310.487)	(88.290.219.469)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(73.842.378.751)	124.699.266.196
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	478.637.352	269.161.675
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.775.924.304)	(639.279.630)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(415.134.696)	(146.184.417)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	551.480.050
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.158.077.098)	(1.644.905.167)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	67.159.477.403	(110.962.175.114)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(373.465.020)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	68.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.644.832	2.099.277.042
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	7.131.644.832	29.725.812.022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		215.430.801.511	129.237.294.679
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(316.406.298.034)	(67.405.630.662)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(100.975.496.523)</i>	<i>61.831.664.017</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(26.684.374.288)</b>	<b>(19.404.699.075)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	34.690.796.551	24.446.093.103
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi n. tệ	61		(37.435.087)	(22.749.763)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>7.968.987.176</b>	<b>5.018.644.265</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập



**Phạm Minh Đức**

TB. Tài chính kế toán



**Trần Thị Thu Trang**

Tổng Giám đốc



**Lê Quốc Hưng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 là: 872 người (tại ngày 31/12/2020 là 958 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

<b>Tên</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>I. Công ty con</b>			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
<b>II. Công ty liên doanh, liên kết</b>			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
<b>III Đơn vị trực thuộc</b>			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**1.6 Đặc điểm hoạt động trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Từ đầu năm 2021, Đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Doanh thu và kết quả hoạt động trong 6 tháng đầu năm của Tổng Công ty có sự sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do Tổng Công ty chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

**2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính Văn phòng Tổng Công ty giữa niên độ, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

**Quyết toán Cổ phần hóa**

Tại ngày phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà	40

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng Quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

***Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền và tương đương tiền**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	382.345.905	930.801.775
Tiền gửi ngân hàng	6.086.641.271	33.759.994.776
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>7.968.987.176</b>	<b>34.690.796.551</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3% / năm.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)</i>				
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - (*)	11.000.000.000	11.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
CN Hà Nội				
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,9% / năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.2. Đầu tư tài chính dài hạn**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ (%)		30/6/2021			01/01/2021		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>1.160.969.434.283</b>	<b>(*)</b>		<b>1.160.969.434.283</b>	<b>(*)</b>	
{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100	100	644.670.174.361			644.670.174.361		
{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100	100	163.327.600.924			163.327.600.924		
{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí	100	100	186.946.683.204			186.946.683.204		
{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	100	100	35.893.995.830			35.893.995.830		
{5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	98,189	98,189	126.294.786.164			126.294.786.164		
{6} Công ty CP Dụng cụ số 1	51	51	3.836.193.800			3.836.193.800		
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>1.772.952.058</b>	<b>(*)</b>		<b>1.772.952.058</b>	<b>(*)</b>	
{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	20	20	1.772.952.058			1.772.952.058		
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			<b>17.718.555.006</b>	<b>(*)</b>		<b>17.718.555.006</b>	<b>(*)</b>	
{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	2,22	2,22	3.381.542.806			3.381.542.806		
{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	10	10	1.432.012.200			1.432.012.200		
{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	10,37	10,37	12.905.000.000			12.905.000.000		
<i>(Vốn góp của cán bộ, công nhân viên trong công ty)</i>								
<b>Tổng</b>			<b>1.180.460.941.347</b>			<b>1.180.460.941.347</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.2. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các Công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đang tồn tại vấn đề chưa được xử lý có liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và ảnh hưởng đến số liệu tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Một số công nợ, giao dịch của Xí nghiệp liên quan đến vụ án trên, cụ thể:

+ Các khoản nợ phải thu bao gồm: Các khoản công nợ phải thu khách hàng của Xí nghiệp với tổng số tiền là 30.823.959.293 đồng trong đó phải thu Công ty Cổ phần Thép Hà Nội số tiền 27.264.461.695 VND, phải thu Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền 3.230.706.858 đồng; Công nợ phải thu khác đối tượng Ông Nguyễn Duy Xuyên với số tiền 48.134.425.710 đồng.

+ Các khoản vay với tổng số tiền là 50.928.533.938 đồng, bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 đồng do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 đồng do Công ty đứng tên trên hợp đồng vay hộ Xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ khí Quang Trung số tiền 266.725.076 đồng, cá nhân Bà Trần Thị Thược số tiền 77.820.037 đồng và Công ty Cổ phần sản xuất Thép Mitsu Vina số tiền 1.331.179.529 đồng.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/09/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự. Theo bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14 - 15/08/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29 - 30/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/7/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/9/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật hình sự 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.2. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Theo Bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14, 15/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29,30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Tại ngày 12, 13, 14 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Duy Xuyên và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1, Điều 267; Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a của Bộ Luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho ngân hàng Agribank chi nhánh Nam Hà Nội số tiền 24.990.000.000 VND và ngân hàng Vietinbank Đông Hà Nội số tiền 24.262.809.296 VND. Trong đó Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường 19.252.809.296 VND.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung gửi đơn kháng cáo số 96/CV-CKQT ngày 24/2/2020 gửi Tòa án nhân dân TP Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ngân hàng Vietinbank trả lại cho Công ty Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu và phải trả nói trên.

{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty bao gồm khoản ứng trước cho người bán với số tiền là 20.549.503.289 đồng nhưng hợp đồng của các khoản ứng trước này đã bị hủy và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 đồng đều tồn tại trước thời điểm 30/09/2014 nhưng chưa được xử lý. Công ty đang chờ kết quả phê duyệt cổ phần hóa từ cấp có thẩm quyền và chưa lập dự phòng đối với các nội dung này.

{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là Công ty Techno Import) do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.154.909.973 đồng và tiền thuê đất, tiền thuê nhà, tiền chậm nộp (phát sinh trước thời điểm 20/1/2017 đến nay) đang được treo trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn mà chưa hạch toán vào chi phí trong các kỳ tương ứng với số tiền là 14.160.208.715 đồng.

Ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport. Ngày 22/6/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/8/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty TechnoImport. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, việc thoái vốn tại Công ty TechnoImport của Tổng Công ty vẫn đang tiến hành.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.2. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- {5} Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- {6} Công ty CP Dụng cụ số 1: được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 đồng, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 4.099.574.020 đồng. Tại ngày 20/1/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 đồng.
- {7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/1/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.
- {8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: Được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng.
- {9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/1/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.
- {10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.
- (\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>211.004.329.961</b>	<b>429.848.324.982</b>
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	18.425.349.331	42.566.713.697
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	31.807.403.002	222.253.121.905
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.754.923.370	42.754.923.370
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	24.156.548.333	26.156.548.333
Đối tượng khác	93.860.105.925	96.117.017.677
<b>Tổng</b>	<b>211.004.329.961</b>	<b>429.848.324.982</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<b>18.452.205.122</b>	<b>42.566.713.697</b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	-	5.165.866.189
Công ty CP Đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	2.401.643.136	3.841.774.160
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công nghệ Nước	-	7.029.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	4.478.668.648	-
Các khách hàng khác	16.422.404.159	18.943.965.194
<b>Tổng</b>	<b>23.302.715.943</b>	<b>34.980.605.543</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.315.192.370</b>	-	<b>16.841.257.445</b>	-
Phải thu về cổ phần hóa	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-
Ký cược, ký quỹ	2.800.000	-	-	-
Bảo hiểm xã hội, Y tế	162.496.453	-	162.496.453	-
Tạm ứng	11.524.316.162	-	11.778.863.524	-
Phải thu Công ty con	44.080.646	-	44.080.646	-
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung</i>	<i>37.161.309</i>	-	<i>37.161.309</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội</i>	<i>6.919.337</i>	-	<i>6.919.337</i>	-
Phải thu khác	1.157.659.201	-	1.431.976.914	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>37.500.000</b>	-	<b>37.500.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	37.500.000	-	37.500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>16.352.692.370</b>	-	<b>16.878.757.445</b>	-
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải thu khác bên liên quan</b>	<b>44.080.646</b>	-	<b>44.080.646</b>	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.6. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>						
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>4.539.088.701</b>	-	<b>(4.539.088.701)</b>	<b>4.639.088.701</b>	-	<b>(4.639.088.701)</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.296.370.548	-	(2.296.370.548)
Công ty CP Cơ khí Điện lực	2.342.718.153	-	(2.342.718.153)	2.342.718.153	-	(2.342.718.153)
<b>Tổng</b>	<b>4.539.088.701</b>	-	<b>(4.539.088.701)</b>	<b>4.639.088.701</b>	-	<b>(4.639.088.701)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.7. Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.335.286	-	19.735.286	-
Chi phí SXKD dở dang	222.317.140.429	-	125.340.233.674	-
Hàng hoá	22.402.447.783	-	13.817.644.051	-
<b>Tổng</b>	<b>244.738.923.498</b>	<b>-</b>	<b>139.177.613.011</b>	<b>-</b>

**5.8. Chi phí trả trước**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>39.758.620</b>	<b>95.730.107</b>
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	8.716.095	22.987.916
Chi phí trả trước chờ phân bổ	31.042.525	72.742.191
<b>b) Dài hạn</b>	<b>126.393.992</b>	<b>549.059.857</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	110.643.992	444.346.519
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.750.000	104.713.338
<b>Tổng</b>	<b>166.152.612</b>	<b>644.789.964</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2021	41.972.594.163	282.774.500	6.521.792.400	321.626.728	49.098.787.791
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	41.972.594.163	282.774.500	6.521.792.400	321.626.728	49.098.787.791
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2021	12.431.427.033	239.891.816	2.219.095.172	238.243.268	15.128.657.289
Tăng trong kỳ	827.292.786	11.668.340	337.421.748	18.537.855	1.194.920.729
Khấu hao trong kỳ	827.292.786	11.668.340	337.421.748	18.537.855	1.194.920.729
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	13.258.719.819	251.560.156	2.556.516.920	256.781.123	16.323.578.018
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	29.541.167.130	42.882.684	4.302.697.228	83.383.460	33.970.130.502
Tại ngày 30/6/2021	28.713.874.344	31.214.344	3.965.275.480	64.845.605	32.775.209.773

- Tại ngày 30/6/2021, Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 607.445.998 VND (tại ngày 31/12/2020 là 441.091.452 VND).
- Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2021 là: 28.141.141.988 đồng và tại ngày 31/12/2020 là: 28.922.840.378 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	100.000.000	100.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	83.548.404	83.548.404
Khấu hao trong kỳ	10.000.002	10.000.002
Số dư tại ngày 30/6/2021	93.548.406	93.548.406
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2021	16.451.596	16.451.596
Tại ngày 30/6/2021	6.451.594	6.451.594

**5.11. Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2021
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	23.403.742.571	-	-	23.403.742.571
- Nhà	23.403.742.571	-	-	23.403.742.571
Giá trị hao mòn lũy kế	1.544.593.949	291.099.940		1.835.693.889
- Nhà	1.544.593.949	291.099.940	-	1.835.693.889
Giá trị còn lại	21.859.148.622	-	291.099.940	21.568.048.682
- Nhà	21.859.148.622	-	291.099.940	21.568.048.682

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng thuộc Tòa nhà SME Hoàng Gia có địa chỉ tại số XQ8C+9R9, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 794.030.112 VND và 291.099.940 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.12. Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>130.094.282.334</b>	<b>130.094.282.334</b>	<b>163.652.294.247</b>	<b>163.652.294.247</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	23.612.472.573	23.612.472.573	58.144.814.608	58.144.814.608
Công ty Cổ phần Trường Nhật	13.621.521.221	13.621.521.221	22.121.521.221	22.121.521.221
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	14.919.661.558	14.919.661.558	-	-
Các đối tượng khác	77.940.626.982	77.940.626.982	83.385.958.418	83.385.958.418
<b>Tổng</b>	<b>130.094.282.334</b>	<b>130.094.282.334</b>	<b>163.652.294.247</b>	<b>163.652.294.247</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>23.704.434.663</b>	<b>23.704.434.663</b>	<b>58.186.473.698</b>	<b>58.186.473.698</b>

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021		Số phải nộp		Số đã nộp		30/6/2021	
<b>a) Phải nộp</b>								
Thuế giá trị gia tăng	1.269.297.069	2.517.655.509	2.517.655.509	2.517.655.509	1.269.297.069			
Thuế xuất, nhập khẩu	-	41.026.634	41.026.634	41.026.634	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	217.730.459	98.658.394	292.665.336	292.665.336	23.723.517			
Thuế thu nhập cá nhân	12.468.842	148.585.677	149.393.865	149.393.865	11.660.654			
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	279.565.894	279.565.894	279.565.894	-			
Các loại thuế	2.000.000	783.026.601	782.026.601	782.026.601	3.000.000			
Phải nộp khác	2.100.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	2.100.000			
<b>Tổng</b>	<b>1.503.596.370</b>	<b>3.872.138.709</b>	<b>4.065.953.839</b>	<b>4.065.953.839</b>	<b>1.309.781.240</b>			
<b>b) Phải thu</b>								
Thuế giá trị gia tăng	10.920.722	-	-	-	10.920.722			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	122.469.360	122.469.360	122.469.360			
Thuế thu nhập cá nhân	1.856.225	-	4.203.227	4.203.227	6.059.452			
Các loại thuế	35.922.937	-	28.077.063	28.077.063	64.000.000			
Phải nộp khác	93.416.121	-	-	-	93.416.121			
<b>Tổng</b>	<b>142.116.005</b>	<b>-</b>	<b>154.749.650</b>	<b>154.749.650</b>	<b>296.865.655</b>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14. Chi phí phải trả	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.370.911.175</b>	<b>5.394.614.881</b>
Lãi vay phải trả	5.370.911.175	5.394.614.881
<b>Tổng</b>	<b>5.370.911.175</b>	<b>5.394.614.881</b>
<b>5.15. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>262.136.364</b>	<b>778.681.818</b>
Cho thuê Văn phòng	262.136.364	778.681.818
<b>Tổng</b>	<b>262.136.364</b>	<b>778.681.818</b>
<b>5.16. Phải trả khác</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.172.041.995</b>	<b>22.438.230.153</b>
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	71.429.418	68.989.908
Bảo hiểm xã hội	1.408.991.536	1.338.525.881
Bảo hiểm y tế	18.110.516	12.285.000
Bảo hiểm thất nghiệp	8.049.118	5.460.000
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.000.000	11.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.491.473.367	3.838.981.324
<b>Tổng</b>	<b>22.172.041.995</b>	<b>22.438.230.153</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>139.484.228.107</b>	<b>139.484.228.107</b>	<b>215.430.801.511</b>	<b>316.406.298.034</b>	<b>240.459.724.630</b>	<b>240.459.724.630</b>
<b>Vay ngân hàng</b>						
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	134.447.902.107	134.447.902.107	214.730.801.511	316.406.298.034	236.123.398.630	236.123.398.630
<b>Vay Cá nhân</b>						
{2} Ông Nguyễn Văn Giáp	700.000.000	700.000.000	700.000.000	-	-	-
- Cá nhân khác	336.326.000	336.326.000	-	-	336.326.000	336.326.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
{3} Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
b) <b>Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>139.484.228.107</b>	<b>139.484.228.107</b>	<b>215.430.801.511</b>	<b>316.406.298.034</b>	<b>240.459.724.630</b>	<b>240.459.724.630</b>

**Thông tin các khoản vay**

{1} Khoản vay theo Hợp đồng số 03/2020/31009/HĐTD ngày 07/10/2020. Cụ thể:

Hạn mức là 560.000.000.000 đồng;

Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

Tài sản đảm bảo: bằng toàn bộ số dư tiền gửi của khách hàng trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác cùng với các đảm bảo khác;

Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**Thông tin các khoản vay (Tiếp theo)**

{2} Khoản vay này gồm có hai hợp đồng vay, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay tiền số 01-2021/HĐVT ngày 01/3/2021, theo đó:  
Số tiền vay: 500.000.000 đồng;  
Kỳ hạn vay: tối đa 10 tháng, kể từ ngày giải ngân đủ số tiền;  
Lãi suất vay: 7,5% (cố định).
- Hợp đồng cho vay tiền số 02-2021/HĐVT ngày 01/4/2021, theo đó:  
Số tiền vay: 200.000.000 đồng;  
Kỳ hạn vay: tối đa 09 tháng, kể từ ngày giải ngân đủ số tiền;  
Lãi suất vay: 7,5% (cố định).

{3} Khoản vay Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, lãi suất là 7%/năm, thời hạn vay 5 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.18. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.418.634.488.001	213.591.182	1.418.848.079.183
Lãi trong năm trước		3.719.376.349	3.719.376.349
Phân phối lợi nhuận năm trước		(3.369.949.168)	(3.369.949.168)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.418.634.488.001	563.018.363	1.419.197.506.364
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.418.634.488.001	563.018.363	1.419.197.506.364
Lãi trong kỳ này		259.854.158	259.854.158
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.418.634.488.001	822.872.521	1.419.457.360.522

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

Đối tượng	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
<b>Tổng</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>1.418.634.488.001</b>

(\*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty- cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ 1.280.511.999 đồng là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	39.677.460.070	39.824.386.907
Doanh thu dự án	93.956.467.169	248.373.161.103
<b>Tổng</b>	<b>133.633.927.239</b>	<b>288.197.548.010</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<b>9.219.953.139</b>	<b>3.557.498.060</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	36.422.484.691	36.716.049.116
Giá vốn dự án	85.422.733.031	238.680.220.498
<b>Tổng</b>	<b>121.845.217.722</b>	<b>275.396.269.614</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.875.832	862.316.167
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.769.000	103.769.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.909.216	542.345.619
<b>Tổng</b>	<b>169.554.048</b>	<b>1.508.430.786</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.4. Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	3.783.158.261	837.221.203
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.118.922	176.165.223
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.997.751	-
<b>Tổng</b>	<b>3.847.274.934</b>	<b>1.013.386.426</b>

**6.5. Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.786.873.656	4.223.762.113
Chi phí đồ dùng văn phòng	335.134.850	240.787.132
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.496.020.671	1.506.387.278
Thuế, phí và lệ phí	327.995.012	480.931.846
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(100.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.423.091	468.058.860
Chi phí bằng tiền khác	3.470.522.195	5.185.446.916
<b>Tổng</b>	<b>7.743.969.475</b>	<b>12.105.374.145</b>

**6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>315.557.646</b>	<b>1.161.496.978</b>
<b>Các khoản điều chỉnh</b>		
Tăng Thu nhập chịu thuế	123.613.793	113.399.540
+ Khấu hao ô tô	50.965.920	-
+ Chi phí không hợp lý	72.647.873	113.399.540
Giảm Thu nhập chịu thuế	203.769.000	319.531.368
+ Cổ tức nhận được trong kỳ	103.769.000	103.769.000
+ Khác	100.000.000	215.762.368
<b>Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>235.402.439</b>	<b>955.365.150</b>
Thuế suất Thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>98.658.394</b>	<b>192.050.030</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(42.954.906)	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(42.954.906)</b>	<b>-</b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	70.758.941.037	280.618.955.680
Chi phí nhân công	4.322.538.306	8.728.297.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.496.020.671	1.650.277.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.679.507.878	1.668.779.411
Chi phí bằng tiền khác	5.193.030.643	5.889.378.856
<b>Tổng</b>	<b>92.450.038.535</b>	<b>298.555.689.279</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Giao dịch đối với bên liên quan**

**a) Thông tin**

<b>Đối tượng</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
<b>Cá nhân</b>		
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành công ty	
<b>Tổ chức</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,189%
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.1. Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Giao dịch với Bên liên quan**

Thu nhập của nhân sự chủ chốt	Giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Hội đồng quản trị và người quản lý khác	Tiền lương và thù lao	891.814.162	1.222.005.520
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	9.195.538.784	3.557.498.060
	Mua hàng	4.624.980.100	3.682.554.120
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	175.898.200	-
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Mua hàng	206.186.176	979.174.516
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Bán hàng	24.414.355	-
Khoản mục	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	18.425.349.331	42.566.713.697
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	26.855.791	-
<b>Phải thu khác bên liên quan</b>			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	37.161.309	37.161.309
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	23.612.472.573	58.144.814.608
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	41.659.090	41.659.090
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Công ty con	50.303.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.2. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**Người lập**



**Phạm Minh Đức**

**TB. Tài chính kế toán**



**Trần Thị Thu Trang**

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**Tổng Giám đốc**



**Lê Quốc Hưng**

